

Số: 11/NQ-HĐND

Yên Châu, ngày 26 tháng 6 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

Phân bổ nguồn kết dư ngân sách cấp huyện năm 2018

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN YÊN CHÂU
KHOÁ XX, KỲ HỌP THỨ 08**

Căn cứ Điều 26, Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2014; Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;
Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều Luật Đầu tư Công; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Thực hiện Quyết định số 3288/QĐ-UBND ngày 08/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La về việc ban hành quy định về quản lý, điều hành ngân sách địa phương năm 2019;

Xét Tờ trình số 130/TTr-UBND ngày 03/6/2019 của UBND huyện về việc phân bổ nguồn kết dư ngân sách cấp huyện năm 2018; Báo cáo thẩm tra số 53/BC-HĐND ngày 14/6/2019 của Ban Kinh tế - Xã hội HĐND huyện và ý kiến thảo luận tại Kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phân bổ nguồn kết dư ngân sách cấp huyện năm 2018, **tổng số tiền: 8.008.462.113 đồng** (Bằng chữ: Tám tỷ, không trăm linh tám triệu, bốn trăm sáu mươi hai ngàn, một trăm mười ba đồng).

Trong đó:

1. Nộp trả ngân sách tỉnh: 434.028.400 đồng.
2. Quy hoạch, đầu tư, sửa chữa cơ sở hạ tầng: 5.328.963.000 đồng.
3. Bổ sung chi thường xuyên: 2.245.470.713 đồng.

(Có phụ lục tổng hợp và 03 biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện: 

1. Hội đồng nhân dân huyện giao Ủy ban nhân dân huyện quyết định giao vốn, bổ sung dự toán cho các đơn vị để thực hiện các nhiệm vụ đã được phê chuẩn tại Điều 1 Nghị quyết này.

2. Hội đồng nhân dân huyện giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân huyện khoá XX, kỳ họp thứ 08 thông qua ngày 26 tháng 6 năm 2019 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua. /.

Nơi nhận

- TT. HĐND, UBND tỉnh (BC);
- Đ/c Phạm Văn Thủy, TUV, PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp, Sở Tài chính; Sở KH-ĐT;
- Trung tâm công báo tỉnh;
- TT. HU, HĐND, UBND huyện;
- UBMT TQVN huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Các chủ đầu tư;
- HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Thanh tra huyện, phòng Nội vụ (CCHC);
- LĐ, CV VP HĐND-UBND huyện;
- Cổng thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT, TCKH, Tuân 100 bản.



CHỦ TỊCH

Quản Thị Dung

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN CHÂU**

**PHỤ LỤC TỔNG HỢP
PHÂN BỐ NGUỒN KẾT DƯ NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN NĂM 2018**
(Kèm theo Nghị quyết số: 11/NQ-HĐND ngày 26/6/2019 của HĐND huyện Yên Châu)

Đơn vị tính: Đồng

STT	NỘI DUNG CHI	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
	TỔNG SỐ	8.008.462.113	
1	Hoàn trả ngân sách tỉnh	434.028.400	Phụ lục 01
2	Quy hoạch, đầu tư, sửa chữa cơ sở hạ tầng	5.328.963.000	Phụ lục 02
3	Bổ sung chi thường xuyên	2.245.470.713	Phụ lục 03



CHỦ TỊCH

Quản Thị Dung



HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN CHÂU

PHỤ LỤC 01
PHÂN BỐ NGUỒN KẾT DƯ NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN NĂM 2018
HOÀN TRẢ NGÂN SÁCH TỈNH

(Kèm theo Nghị quyết số: 11/NQ-HĐND ngày 26/6/2019 của HĐND huyện Yên Châu)

Đơn vị tính: Đồng

STT	NỘI DUNG CHI	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
	TỔNG SỐ	434.028.400	
I	Chi sự nghiệp Giáo dục	423.718.400	
1	KP thực hiện NĐ 06/2018/NĐ-CP	5.400.000	
2	KP thực hiện NQ 58/NQ-HĐND	17.130.000	
3	KP thực hiện NĐ 28/2012/NĐ-CP	25.004.000	
4	KP thực hiện NĐ 116/NĐ-CP (cước vận chuyển gạo)	53.554.000	
5	KP thực hiện NQ 20, 41/NQ -HĐND	59.095.500	
6	KP thực hiện Nghị định 86/NĐ-CP	263.507.300	
7	KP hỗ trợ khuyến học theo NQ số 82, 21	27.600	
II	Kinh phí thực hiện QĐ 102/QĐ-TTg	10.310.000	



CHỦ TỊCH

Quản Thị Dung

PHỤ LỤC 01

PHÂN BỐ NGUỒN KẾT DƯ NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN NĂM 2018
HỘI TRẠI NGÂN SÁCH TỈNH

(Kèm theo Nghị quyết số: 11/2018/NQ-HĐND ngày 28/02/2018 của HĐND huyện Yên Châu)

STT	NỘI DUNG CHI	SỐ TIỀN	CHỈ CỤM
	TỔNG SỐ	434.024.400	
1	Chi sự nghiệp Giáo dục	433.732.400	
1	KP thực hiện ND 06/2018/NĐ-CP	2.400.000	
2	KP thực hiện ND 58/2018/NĐ-CP	17.120.000	
3	KP thực hiện ND 58/2018/NĐ-CP	32.104.000	
4	KP thực hiện ND 15/2018/NĐ-CP (cùng vận chuyển gạo)	23.224.000	
5	KP thực hiện ND 50/2018/NĐ-CP	28.000.000	
6	KP thực hiện ND 58/2018/NĐ-CP	203.200.000	
7	KP bổ trợ khuyến học theo ND số 32, 31	35.000	
II	Kinh phí thực hiện QĐ 102/QĐ-TTg	10.310.000	



CHỦ TỊCH

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN CHÂU**

**PHỤ LỤC 02
PHÂN BỐ NGUỒN KẾT DƯ NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN NĂM 2018
QUY HOẠCH, ĐẦU TƯ, SỬA CHỮA CƠ SỞ HẠ TÀNG**

(Kèm theo Nghị quyết số: 11/NQ-HĐND ngày 26/6/2019 của HĐND huyện Yên Châu)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Số TT	NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Giá trị quyết toán	Lũy kế vốn bố trí đến 30/5/2019	Số vốn còn thiếu	Kế hoạch vốn phân bổ năm 2019	Số còn nợ	Ghi chú
					Số, ngày, tháng	Tổng mức						
	TỔNG SỐ:					25.481,689	9.186,968	18.696,195	6.589,167	5.328,963	1.260,204	
1	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/2000 căn cứ hậu phương, căn cứ hậu cần kỹ thuật, căn cứ chiến đấu trong khu vực phòng thủ huyện Yên Châu	Ban CHQS huyện	Mường Lựm, Yên Sơn	2019-2020		1.360,204	-	-	1.360,204	300,000	1.060,204	Bố trí v để triển k dự án
2	Rà phá bom, mìn, vật nổ thực hiện xây dựng cầu dân sinh thuộc dự án LRAMP huyện Yên Châu năm 2019	Ban QLDA DTXD	Chiềng Sàng, Tú Nang	2019		38,190	-	-	38,190	38,190	-	
3	Nâng cấp đường 103 đến bản Co Mon, xã Phiêng Khoai, huyện Yên Châu	Ban QLDA DTXD	Phiêng Khoai	2016-2018	1662-29/10/2015	8.183,295	8.045,965	7.562,765	483,200	483,200	-	
4	Trụ sở làm việc thị trấn Yên Châu, huyện Yên Châu	Ban QLDA DTXD	Thị trấn	2018-2019	1212-27/10/2017	6.500,000		5.909,730	590,270	590,270	-	
5	Nhà làm việc các đoàn thể xã Tú Nang, huyện Yên Châu	Ban QLDA DTXD	Tú Nang	2019	1046-29/10/2018	1.200,000	1.141,003	500,000	641,003	641,003	-	
6	Nhà làm việc các đoàn thể xã Chiềng On, huyện Yên Châu	Ban QLDA DTXD	Chiềng On	2019	1044-29/10/2018	1.200,000		771,000	429,000	429,000	-	Vốn có thiếu thu nguồn v CTMTQ xây dựn NTM
7	Hệ thống kênh thoát nước thải trung tâm xã Chiềng Păn, huyện Yên Châu	Ban QLDA DTXD	Chiềng Păn	2019	1070-31/10/2018	1.700,000		750,000	950,000	750,000	200,000	
8	Nhà văn hóa bản Phất, xã Chiềng Păn, huyện Yên Châu	Ban QLDA DTXD	Chiềng Păn	2019	1072-31/10/2018	1.200,000		555,000	645,000	645,000	-	

NỘI DUNG	Chủ đầu tư	Địa điểm	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Giá trị quyết toán	Lũy kế vốn bố trí đến 30/5/2019	Số vốn còn thiếu	Kế hoạch vốn phân bổ năm 2019	Số còn nợ	Ghi chú
				Số, ngày, tháng	Tổng mức						
Nhà văn hóa bán Hiếm, xã Chiềng Khoi, huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD	Chiềng Khoi	2019	1075-31/10/2018	1.000,000		600,000	400,000	400,000	-	
Điện thấp sáng Trung tâm xã Sập /ạt, huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD	Sập Vạt	2019	1071-31/10/2018	900,000		544,700	355,300	355,300	-	
Nhà văn hóa bán Hang Mon 2, xã Phiêng Khoài, huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD	Phiêng Khoài	2019	1033-29/10/2018	1.200,000		903,000	297,000	297,000	-	
Nhà văn hóa bán Chờ Lông, xã Yên Sơn, huyện Yên Châu	Ban QLDA ĐTXD	Yên Sơn	2019	1071a-31/10/2018	1.000,000		600,000	400,000	400,000	-	

CHỦ TỊCH



Quản Thị Dung

PHỤ LỤC 03
PHÂN BỐ NGUỒN KẾT DƯ NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN NĂM 2018
BỔ SUNG CHI THƯỜNG XUYÊN

(Kèm theo Nghị quyết số: 11/NQ-HĐND ngày 26/6/2019 của HĐND huyện Yên Châu)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên Đơn vị, nội dung	Số tiền	Ghi chú
	TỔNG SỐ	2.245.470.713	
1	UBND xã Lóng Phiêng	47.000.000	
1.1	Kinh phí hỗ trợ hộ nghèo làm nhà vệ sinh (thu hồi do thanh tra, đã nộp vào NSNN năm 2016, 2017)	47.000.000	
2	Phòng Giáo dục và Đào tạo	745.600.000	
2.1	KP sửa chữa nhà, sân, cổng và một số hạng mục khác của trường TH-THCS Chiềng Păn và sửa chữa nhà thư viện trường TH Chiềng Sàng; Mầm non Họa Mi Chiềng Sàng; MN Hương Xoài Chiềng Hắc để đạt chuẩn	150.000.000	
2.2	Kinh phí chi trả lương hợp đồng lao động theo ND số 68/ND-CP	11.000.000	
2.3	Kinh phí thực hiện ND 116 (học sinh)	380.600.000	
2.4	Kinh phí tiền lương, các khoản phụ cấp biên chế QLNN tăng thêm	204.000.000	
3	Phòng Dân tộc	220.000.000	
3.1	Kinh phí Đại hội đại biểu các dân tộc thiểu số huyện Yên Châu lần thứ III năm 2019	220.000.000	
4	Trung tâm Truyền thông - Văn hóa	175.400.000	
4.1	Kinh phí tuyên truyền kỷ niệm 60 năm bác hồ về thăm Yên Châu (Tuyên truyền cổ động mặt đường; Phối hợp với bảo tàng tỉnh tổ chức triển lãm ảnh; Hỗ trợ kinh phí làm phóng sự tuyên truyền...)	50.000.000	
4.2	Kinh phí lắp đặt 2 cụm loa tại 2 bản Tú Quỳnh và Nàng Yên, xã Tú Nàng	15.000.000	
4.3	Kinh phí sửa chữa, thay thế thiết bị các Trạm trung tâm, Tú Nàng, Chiềng On	22.400.000	
4.4	Kinh phí sửa xe ô tô và bảo hiểm ô tô	38.000.000	
4.5	Kinh phí lắp đặt phụ kiện, thiết bị bể bơi	50.000.000	
5	Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện	65.000.000	
5.1	KP thuê chứng thu thẩm định giá (thanh lý tài sản nhà trụ sở 661 cũ)	15.000.000	
5.2	KP chỉnh lý tài liệu năm 2019	50.000.000	
6	Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện	19.055.000	
6.1	Kinh phí mua Tets thử nhanh các chỉ tiêu ATTP	19.055.000	
7	Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị huyện	160.000.000	
7.1	Sửa chữa trụ sở TT Bồi dưỡng chính trị (phát sinh trong năm, do nhận bàn giao trụ sở của Trung tâm GDNN-GDTX cũ)	86.000.000	
7.2	Kinh phí mua bàn ghế phục vụ lớp học Trung tâm Bồi dưỡng chính trị	74.000.000	

vu

STT	Tên Đơn vị, nội dung	Số tiền	Ghi chú
8	Văn phòng HĐND-UBND huyện	315.415.713	
8.1	KP thực hiện đề án chỉnh lý tài liệu còn tồn đọng tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn	67.000.000	
8.2	KP đón tiếp đoàn công tác huyện Quỳnh Nhai học tập mô hình phát triển kinh tế tại huyện Yên Châu	40.000.000	
8.3	KP các nhiệm vụ phát sinh trong năm	98.415.713	
8.4	Kinh phí đoàn công tác huyện tham gia Đoàn giao dịch Thương mại tại Trung quốc	40.000.000	
8.5	Kinh phí hoạt động của HĐND huyện	70.000.000	
9	Văn phòng Huyện ủy	260.000.000	
9.1	KP mở lớp cán bộ dự nguồn	40.000.000	
9.2	KP các nhiệm vụ phát sinh trong năm	220.000.000	
10	Ủy ban mặt trận Tổ quốc huyện	25.000.000	
10.1	Kinh phí tổ chức đại hội đại biểu Mặt trận tổ quốc Việt Nam huyện lần thứ XIX nhiệm kỳ 2019-2025	25.000.000	
11	Bổ sung cho các đơn vị để chi lương và các khoản phụ cấp	113.000.000	
11.1	Phòng Nông nghiệp và PTNT	13.000.000	
11.2	Hội Cựu chiến binh	56.000.000	
11.3	Hội Nông dân	12.000.000	
11.4	Hội phụ nữ	32.000.000	
12	Phòng Văn hóa và Thông tin	40.000.000	
12.1	Kinh phí xác định lại diện tích khoanh vùng bảo vệ di tích lịch sử cầu sắt Yên Châu	40.000.000	
13	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	60.000.000	
	Kinh phí xúc tiến, quảng bá thương mại...	60.000.000	

CHỦ TỊCH



Quản Thị Dung